

Số: /2023/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO****THÔNG TƯ****Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia**

Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư về Quy chế tổ chức, hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế tổ chức, hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

**Điều 2.** Thông tư có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023.

**Điều 3.** Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng TW và Ban Kinh tế TW;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố;
- Bộ Công Thương: Các Lãnh đạo Bộ, các Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ;
- Lưu: VT, CT.

**BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Hồng Diên**

**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN CẠNH TRANH QUỐC GIA**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BCT ngày tháng năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia khi thực hiện xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, tham gia tố tụng hành chính và các hoạt động khác có liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh, người tiến hành tố tụng cạnh tranh, người tham gia tố tụng cạnh tranh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

**CHƯƠNG II**  
**XỬ LÝ VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH**

**Điều 3. Chuyển báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc cạnh tranh**

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành kết luận điều tra vụ việc cạnh tranh, Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh thực hiện chuyển báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc cạnh tranh đến Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh và Ban Thư ký các Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh lập biên bản giao nhận tài liệu theo Mẫu số 1.

**Điều 4. Tiếp nhận và bảo quản báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc cạnh tranh**

1. Ban Thư ký các Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh có trách nhiệm tiếp nhận báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc cạnh tranh; báo cáo Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận.

2. Ban Thư ký các Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh có trách nhiệm bảo quản báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc cạnh tranh theo quy định của pháp luật.

**Điều 5. Thành lập Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh**

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc cạnh tranh, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia ra Quyết định về việc thành lập Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh theo Mẫu

số 2.

Ban Thư ký các Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh có trách nhiệm tham mưu với Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia thành phần Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh phù hợp với từng vụ việc cụ thể.

2. Thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có quyền và nghĩa vụ từ chối tham gia Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh theo quy định tại Điều 65 Luật Cạnh tranh. Khi tham gia Hội đồng xử lý vụ việc, các thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh cam kết theo Mẫu số 3.

3. Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh gồm ba hoặc năm thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, trong đó có một thành viên làm Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh để giải quyết một vụ việc cạnh tranh cụ thể.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, Ban Thư ký các Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh có trách nhiệm chuyển báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc cạnh tranh cho các thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh. Việc giao nhận được lập thành biên bản giao nhận tài liệu theo Mẫu số 4.

#### **Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh**

Thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Cạnh tranh.
2. Nghiên cứu tài liệu, hồ sơ vụ việc cạnh tranh.
3. Yêu cầu Ban Thư ký các Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh hỗ trợ về hậu cần, thông tin, tài liệu phục vụ việc xử lý, giải quyết vụ việc cạnh tranh bằng văn bản theo Mẫu số 5.

#### **Điều 7. Hợp Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh**

1. Trong quá trình xử lý vụ việc cạnh tranh, Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh có trách nhiệm triệu tập họp Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh để thảo luận về các nội dung của báo cáo điều tra, kết luận điều tra và hồ sơ vụ việc cạnh tranh.

2. Nguyên tắc tiến hành họp Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh:

a) Cuộc họp của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh đảm bảo đầy đủ các thành viên tham dự, thảo luận và đóng góp ý kiến;

b) Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh quyết định hình thức họp (trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp);

c) Trường hợp thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh không thể tham dự họp dưới bất kỳ hình thức nào thì có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản tới Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh trước cuộc họp. Ý kiến của thành viên vắng mặt phải được đọc tại cuộc họp của Hội đồng xử lý vụ việc

hạn chế cạnh tranh và được ghi vào biên bản cuộc họp.

### 3. Nguyên tắc thông qua kết luận cuộc họp

Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh ký văn bản thông qua kết luận cuộc họp khi có ít nhất hai phần ba số ý kiến của các thành viên Hội đồng xử lý nhất trí với nội dung kết luận cuộc họp. Các ý kiến khác được bảo lưu tại biên bản cuộc họp.

4. Nội dung kết quả cuộc họp của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh được Ban Thư ký các Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh ghi biên bản theo Mẫu số 6 được ban hành theo Thông tư này.

### **Điều 8. Yêu cầu điều tra bổ sung vụ việc hạn chế cạnh tranh**

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được thành lập, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh có thể gửi văn bản yêu cầu Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh tiến hành điều tra bổ sung trong trường hợp nhận thấy các chứng cứ thu thập chưa đủ để xác định hành vi vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh.

2. Thời hạn điều tra bổ sung là 60 ngày kể từ ngày Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh có yêu cầu điều tra bổ sung. Văn bản yêu cầu điều tra bổ sung được quy định trong Mẫu 7.

### **Điều 9. Giải quyết vụ việc hạn chế cạnh tranh**

1. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày được thành lập hoặc ngày nhận được báo cáo điều tra và kết luận điều tra bổ sung, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh phải ban hành một trong các quyết định sau:

a) Quyết định đình chỉ giải quyết vụ việc cạnh tranh (Mẫu số 8);

b) Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh (Mẫu số 9).

2. Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh được ban hành dựa trên kết quả biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín của tất cả thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh theo nguyên tắc đa số.

3. Kết quả bỏ phiếu của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh phải được lập thành biên bản theo Mẫu số 10.

### **Điều 10. Cử thư ký phiên điều trần**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh ra quyết định mở phiên điều trần, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quyết định cử công chức làm thư ký phiên điều trần cho một vụ việc cạnh tranh cụ thể theo Mẫu số 11.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của thư ký phiên điều trần được thực hiện theo quy định tại Điều 64 Luật Cạnh tranh và Điều 30 Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2019.

### **Điều 11. Tổ chức phiên điều trần**

1. Phiên điều trần tổ chức theo quy định tại Điều 91 Luật Cạnh tranh. Quyết

định mở phiên điều trần được quy định tại Mẫu số 12.

2. Trình tự, nội dung phiên điều trần được thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Cạnh tranh và được Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh thông qua trước khi tiến hành phiên điều trần.

3. Trong trường hợp phải hoãn phiên điều trần theo quy định tại Điều 65 và Điều 74 Luật Cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh ra quyết định hoãn phiên điều trần theo Mẫu số 13.

4. Biên bản phiên điều trần được thư ký phiên điều trần ghi lại theo Mẫu số 14.

### **Điều 12. Thay đổi người tiến hành tố tụng cạnh tranh**

Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quyết định thay đổi thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, thư ký phiên điều trần theo quy định tại Điều 65 Luật Cạnh tranh (Mẫu số 15).

### **Điều 13. Thay đổi người giám định, người phiên dịch**

Việc thay đổi người giám định, người phiên dịch được thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật Cạnh tranh theo Mẫu số 16 và Mẫu số 17.

## **CHƯƠNG III GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VỤ VIỆC CẠNH TRANH VÀ THAM GIA TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH**

### **Mục 1: GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁC HỘI ĐỒNG XỬ LÝ VỤ VIỆC CẠNH TRANH**

#### **Điều 14. Tiếp nhận đơn khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh**

Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia tiếp nhận đơn khiếu nại Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, chuyển đến Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

#### **Điều 15. Thụ lý đơn khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh**

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia phải xem xét tính hợp lệ của đơn khiếu nại theo các căn cứ quy định tại Điều 96 và Điều 97 Luật Cạnh tranh.

2. Trường hợp đơn khiếu nại không hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người khiếu nại và các bên liên quan theo Mẫu số 18.

#### **Điều 16. Thủ tục giải quyết khiếu nại của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia**

1. Trường hợp đơn khiếu nại hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đơn khiếu nại Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia thành lập Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh và giải quyết khiếu nại theo quy định tại điểm a, khoản 1 và khoản 3 Điều 100 Luật Cạnh tranh. Quyết

định thành lập Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh được lập theo Mẫu số 19.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thành lập, Hội đồng giải quyết khiếu nại ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo Điều 101 Luật Cạnh tranh. Quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh được lập theo Mẫu số 20.

3. Việc ra quyết định giải quyết khiếu nại phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng giải quyết khiếu nại tham gia. Quyết định giải quyết khiếu nại được thông qua bằng cách biểu quyết theo đa số, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng giải quyết khiếu nại.

4. Trường hợp đặc biệt phức tạp, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quyết định gia hạn thời hạn giải quyết khiếu nại nhưng không quá 45 ngày. Trường hợp gia hạn, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia phải có văn bản thông báo cho bên khiếu nại biết. Quyết định gia hạn thời gian giải quyết khiếu nại được lập theo Mẫu số 21.

## **Mục 2: THAM GIA TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH**

### **Điều 17. Chuyển hồ sơ vụ việc cạnh tranh**

1. Trường hợp Tòa án có thẩm quyền thụ lý đơn khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia chỉ đạo việc chuyển hồ sơ vụ việc cạnh tranh đến Tòa án trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án. Việc bàn giao được thực hiện theo Mẫu số 22.

2. Trường hợp Tòa án có thẩm quyền thụ lý đơn khởi kiện các quyết định khác của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia chỉ đạo việc chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan theo yêu cầu của Tòa án trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

### **Điều 18. Cử đại diện tham gia tố tụng hành chính**

1. Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia cử ít nhất 01 thành viên của Hội đồng giải quyết khiếu nại đại diện cho Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia tham gia tố tụng hành chính.

2. Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có thể thuê chuyên gia tư vấn và luật sư tranh tụng để bảo vệ quan điểm của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trước tòa.

3. Đại diện Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia tham gia tố tụng hành chính có quyền yêu cầu tham vấn với các đơn vị liên quan của Bộ Công Thương, các thành viên khác của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia và đề nghị Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có biện pháp hỗ trợ trong quá trình tham gia tố tụng hành chính.

## **CHƯƠNG IV**

### **HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA ỦY BAN CẠNH TRANH QUỐC GIA**

#### **Điều 19. Chế độ họp của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia**

1. Thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia họp định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

2. Thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có quyền đề xuất Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia họp đột xuất hoặc tổ chức nghiên cứu khoa học về tổ tụng cạnh tranh trong phạm vi, quyền hạn của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

#### **Điều 20. Theo dõi việc thi hành quyết định xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh**

1. Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia đóng dấu “Đề thi hành” lên Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh và Quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật để cấp cho người được thi hành và người phải thi hành.

2. Số tiền phạt được nộp về Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có trách nhiệm làm việc với cơ quan thi hành án dân sự và các cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi hành Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh và các bên phải thi hành quyết định về kết quả thi hành quyết định của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh và theo dõi việc nộp tiền phạt.

#### **Điều 21. Chế độ báo cáo**

1. Hàng năm Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia báo cáo Bộ Công Thương về kết quả công tác hoặc báo cáo chuyên đề liên quan theo yêu cầu của Bộ Công Thương và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

2. Báo cáo kết quả hoạt động hàng năm được đăng tải lên cổng thông tin của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

#### **Điều 22. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Tập thể, cá nhân có thành tích được khen thưởng theo đề xuất của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Bộ Công Thương theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây ra thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật./.